

Bản án số: 80/2025/LĐ-PT
Ngày: 27/8/2025
V/v Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài
Các Thẩm phán: Ông Đào Quốc Thịnh
Bà Lê Thị Quỳnh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 55/2025/TLPT-LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3791/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12866/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến D**; Địa chỉ: A khu S khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố H (nay là phường T, Thành phố H). (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Hoàng Đ**; Địa chỉ liên hệ: B đường B, Phường G, quận T, Thành phố H (nay là phường T, Thành phố H) (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 16/5/2024 tại Văn phòng Công chứng V, có số công chứng 002933 quyền số 05/2024 TP/CC-SCC/HĐGD). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Quốc T**, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N, Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Phòng C, Tòa nhà V, C L, phường S, Thành phố H. (có mặt)

- Bị đơn: **Công ty TNHH P**. Địa chỉ trụ sở: Lầu B, Tòa nhà P, số H đường H, phường T, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tseng Fan C** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hoàng Thị Ngọc D1** hoặc bà **Nguyễn Thị Thu H** hoặc bà **Huỳnh Thị Thùy D2**; Địa chỉ liên hệ: D H, phường X, Thành phố H (theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/10/2024). (Bà D1, bà D2 có mặt; bà H vắng mặt).

Người kháng cáo: ông **Nguyễn Tiến D** - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, Đơn khởi kiện sửa đổi ngày 20/9/2024, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Tiến D đã làm việc cho Công ty TNHH P được 11 năm, thời điểm bắt đầu từ ngày 01/12/2012 đến 31/7/2017 là người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Do ông được cấp quốc tịch Việt Nam nên từ ngày 01/8/2017, với tư cách là người lao động Việt Nam, ông D và Công ty đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, với tổng tiền lương, phụ cấp là 90.000.000 đồng/tháng. Mức lương phụ cấp hiện đóng BHXH là 124.557.000 đồng/tháng.

Ngày 27/11/2023, Công ty ban hành Thông báo số 20120057/2023/QĐ-P và ngày 01/12/2023 Công ty ban hành Quyết định số 267-2023/QĐ-P do Tổng Giám đốc Công ty là Tseng Fan C ký về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông D. Nhận thấy việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật nên ông D khởi kiện yêu cầu xử buộc Công ty:

- Hủy bỏ Quyết định về việc chấm dứt HĐLĐ số 267-2023/QĐ-P ngày 01/12/2023; khôi phục tất cả các chức vụ, cấp bậc công tác và toàn bộ chế độ lương, thưởng, phụ cấp cùng các quyền lợi khác như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của tôi như trước khi bị Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn trái pháp luật, tuân theo điều 41.1 Bộ luật Lao động; Việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan tính từ ngày 01/12/2023 đến khi được nhận trở lại làm việc.

- Chi trả đầy đủ tiền lương, thưởng, các loại phụ cấp cho ông D cho đến khi được nhận trở lại làm việc, là 1.146.456.000 đồng. Gồm: tiền lương từ 01/12/2023 đến 01/7/2024 là 996.456.000 đồng; Phụ cấp nhà ở: chi phí thuê căn hộ 10 tháng là 150.000.000đ. Tổng số tiền yêu cầu là: 1.146.456.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn sửa đổi, bổ sung cụ thể yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy bỏ Quyết định về việc chấm dứt HĐLĐ số 267-2023/QĐ-P ngày 01/12/2023 và thông báo Thông báo số 20120057/2023/QĐ-P ngày 27/11/2023; khôi phục tất cả các chức vụ, cấp bậc công tác và toàn bộ chế độ lương, thưởng, phụ cấp cùng các quyền lợi khác như đóng BHXH, BHYT, BHTN của ông như trước khi bị Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời

hạn trái pháp luật, tuân theo điều 41.1 Bộ luật Lao động; Việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan tính từ ngày 01/12/2023 tạm tính đến ngày 01/4/2025. Cụ thể:

- Tiền BHXH, BHYT, BHTN mà bị đơn phải trả là 21,5% tính theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn 16 tháng là 428.476.080 đồng.

- Phải trả thêm tối thiểu 02 tháng tiền lương là 249.114.000 đồng.

- Chi trả đầy đủ tiền lương, thưởng, các loại phụ cấp, tạm tính đến ngày xét xử 01/4/2025, như sau:

- + Tiền lương tính theo mức lương 124.557.000 đồng/tháng x 16 tháng là 1.992.912.000 đồng.

- + Tiền thưởng năm 2023, năm 2024, mỗi năm 01 tháng lương là 249.114.000 đồng.

- + Trường hợp bị đơn không muốn nhận lại nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn một khoản tiền bồi thường tương đương bằng 06 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 747.342.000 đồng theo quy định tại khoản 3 điều 41 Bộ luật Lao động.

Đối với khoản tiền trợ cấp thất nghiệp và khoản tiền vi phạm thời hạn báo trước, nguyên đơn đã nhận được trong số tiền do bị đơn chuyển vào ngày 20/12/2023 nên không yêu cầu.

Đồng thời bị đơn phải trả bản gốc hồ sơ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật Lao động.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu thanh toán phụ cấp nhà ở và phụ cấp tiền vé máy bay khứ hồi về Canada mà đã được trình bày trong phiên xét xử ngày 27/3/2025.

Bị đơn, Công ty TNHH P có người đại diện theo ủy quyền là bà Hoàng Thị Ngọc D1, bà Huỳnh Thị Thùy D2 trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với ông Nguyễn Tiến D từ ngày 01/8/2017, loại hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là 124.557.000 đồng. Đối với thời gian từ 01/12/2012 đến 30/12/2016 Công ty không xác lập quan hệ lao động với ông D vì ông D là người nước ngoài, mang quốc tịch Canada. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động cho ông D phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 27/11/2023, Công ty đã ban hành Thông báo 20120057/2023/QD-P về việc chấm dứt Hợp đồng lao động. Thông báo có nêu rõ: “Sau khi người lao động hoàn tất các thủ tục bàn giao công việc và tài sản nêu trên, Công ty sẽ có trách nhiệm thanh toán các khoản lương tính đến ngày chấm dứt và đền bù các khoản trợ cấp báo trước tương đương lương và phụ cấp của 45 ngày”. Sau khi nhận được Thông báo, ông D không đưa ra bất kỳ phản hồi nào thể hiện sự không đồng ý. Đồng thời, ông D đã thực hiện bàn giao thẻ nhân viên, máy móc và tài liệu cho Công ty và rời khỏi trụ sở. Ông D cũng di chuyển đồ đạc riêng, bàn giao lại căn hộ

cho Công ty. Bên cạnh đó, ông D cũng không còn đến Công ty để làm việc kể từ ngày 28/11/2023. Không có tài liệu, chứng cứ nào cho thấy ông D đã đến Công ty nhưng không được cho vào làm việc kể từ ngày này. Như vậy, bằng việc thực hiện và hoàn tất các thủ tục bàn giao, thông qua việc không còn đến làm việc cho Công ty, ông D đã chấp nhận, đồng ý và tuân theo Thông báo của Công ty.

Về phía Công ty, Công ty cũng tuân theo thỏa thuận tại Thông báo rằng sau khi ông D đã hoàn tất thủ tục bàn giao thì Công ty sẽ tiến hành thanh toán lương cho đến ngày chấm dứt và trợ cấp của 45 ngày báo trước. Ngày 20/12/2023, sau khi tạm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, Công ty đã chuyển cho ông D số tiền là 697.279.667 đồng. Theo bà T1 xác nhận của Ngân hàng H1, số tiền 697.279.667 đồng đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông D. Ông D đã không phản đối hay từ chối nhận số tiền này và sau khi nhận cũng không chuyển trả lại cho Công ty. Tóm lại, ông D đã đồng ý hoàn tất thủ tục bàn giao, ngừng đến làm việc cho Công ty và đồng ý nhận khoản tiền mà Công ty thanh toán cho ông D. Điều này cho thấy ông D đã đồng ý chấm dứt quan hệ lao động với Công ty theo Thông báo cũng như đồng ý đối với khoản thanh toán mà Công ty trả cho ông D khi chấm dứt quan hệ lao động. Vì lẽ trên, Công ty đã chấm dứt Hợp đồng lao động 2017 theo thỏa thuận của các bên phù hợp với khoản 3, Điều 34 của Bộ luật Lao động 2019 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện tại, Công ty cũng không còn nhu cầu tuyển dụng đối với vị trí Trợ lý Tổng Giám đốc. Do đó Công ty không thể nhận ông D trở lại làm việc. Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

- Đối với yêu cầu đòi thanh toán tiền thuê nhà trong khoảng thời gian không được làm việc: Ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu chi trả phụ cấp nhà ở. Công ty có cho ông D ở tại căn hộ E. Tuy nhiên, đây không phải phụ cấp nhà ở, không được quy định trong Hợp đồng lao động giữa ông D và Công ty. Đây chỉ là tài sản mà Công ty có, và Công ty tạo điều kiện cho người lao động sử dụng. Việc Công ty tạo điều kiện, hỗ trợ cung cấp căn hộ cho người lao động không phải là nghĩa vụ, trách nhiệm bắt buộc của Công ty theo hợp đồng lao động. Vì vậy, yêu cầu của ông D buộc Công ty chi trả phụ cấp nhà ở là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này của ông D.

- Về yêu cầu chi trả vé máy bay khứ hồi, tại phiên tòa, ông D có yêu cầu về vé máy bay khứ hồi. Vấn đề này không được quy định trong hợp đồng lao động giữa Công ty và ông D. Do đó, yêu cầu này là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này.

- Về yêu cầu phản tố của Công ty đối với ông D: Yêu cầu ông Nguyễn Tiến D trả lại khoản tiền mà Công ty đã chuyển dư, tổng cộng là 435.949.500 đồng (bao gồm Thưởng tháng 13 năm 2023 tương đương 124.557.000 đồng và khoản tiền 311.392.500 đồng) cho Công ty.

Liên quan đến Thưởng tháng 13, vì ông D chưa làm việc hết năm 2023 và hợp đồng lao động không có quy định về vấn đề này nên Thưởng tháng 13 năm 2023 là khoản chuyển dư. Do đó, Công ty yêu cầu ông D trả lại phần còn lại của

Thưởng tháng 13 năm 2023 là 112.101.300 đồng sau khi Công ty đã tạm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, khoản tiền 311.392.500 đồng không phải là khoản thanh toán theo hợp đồng lao động hay quy định của pháp luật. Do đó, chúng tôi cũng yêu cầu ông D trả lại cho Công ty số tiền 311.392.500 đồng này. Tổng cộng, Công ty yêu cầu ông D trả lại khoản tiền là 423.493.800 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh) đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 34, khoản 1 Điều 45 Bộ luật Lao động 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D về việc buộc Công ty TNHH P: Hủy bỏ Quyết định về việc chấm dứt HĐLĐ số 267-2023/QĐ-P ngày 01/12/2023 và thông báo Thông báo số 20120057/2023/QĐ-P ngày 27/11/2023; khôi phục tất cả các chức vụ, cấp bậc công tác và toàn bộ chế độ lương, thưởng, phụ cấp cùng các quyền lợi khác như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Cụ thể (tạm tính đến ngày 01/4/2025):

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà bị đơn phải trả là 21,5% tính theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, cụ thể là 21,5% x 16 tháng x 124.557.000 đồng = 428.476.080 đồng.

- Phải trả thêm tối thiểu 02 tháng tiền lương theo khoản 1 điều 41 Bộ luật Lao động, 02 tháng x 124.557.000 đồng = 249.114.000 đồng.

- Tiền lương cho khoảng thời gian không được làm việc 124.557.000 đồng x 16 tháng = 1.992.912.000 đồng.

- Tiền thưởng năm 2023, năm 2024, mỗi năm 01 tháng lương: 02 x 124.557.000 đồng = 249.114.000 đồng.

- Bị đơn phải trả cho nguyên một khoản tiền bồi thường tương đương bằng 06 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động = 747.342.000 đồng vì không nhận nguyên đơn trở lại làm việc.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chi trả tiền thuê nhà 15.000.000 đồng/tháng x 16 tháng = 240.000.000 đồng.

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Tiến D trả lại khoản tiền 435.949.500 đồng (Bao gồm tiền thưởng tháng 13 năm 2023 tương đương 124.557.000 đồng và khoản tiền 311.392.500 đồng chuyển dư).

[4] Công ty TNHH P có trách nhiệm chuyển Sổ bảo hiểm xã hội số 791657035 cho cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Ông Nguyễn Tiến D được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để nhận lại sổ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5]. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến D được miễn án phí theo quy định. Công ty TNHH P phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 12.718.990 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.718.990 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0037247 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh), Công ty TNHH P còn phải đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 15/4/2025, ông Nguyễn Tiến D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Đối với nội dung nguyên đơn kháng cáo, Công ty P đồng ý thanh toán cho ông D số tiền 1.125.000.000 đồng để hai bên chấm dứt tranh chấp liên quan đến Hợp đồng lao động đã ký kết giữa hai bên. Thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 05/9/2025. Công ty P có trách nhiệm chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cá nhân của ông D, số tài khoản 0181003403160 tại Ngân hàng TMCP N (tên chủ tài khoản là NGUYEN BRUCE TIEN D). Trong trường hợp Công ty P không thực hiện thanh toán, ông có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Công ty P thi hành. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty P phải chịu đối với nội dung thỏa thuận này là 26.500.000 đồng. Đối với một phần bản án không kháng cáo, các bên đương sự không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Lao động, xét thấy: Các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận

của các đương sự đối với kháng cáo một phần bản án của nguyên đơn, giữ nguyên phần nội dung bản án không bị kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh) là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động 2019 và khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Đối với phần nội dung bản án sơ thẩm tuyên “Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chi trả tiền thuê nhà 15.000.000 đồng/tháng x 16 tháng = 240.000.000 đồng” - do nguyên đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Đối với phần nội dung bản án sơ thẩm tuyên “Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Tiến D trả lại khoản tiền 435.949.500 đồng (Bao gồm tiền thưởng tháng 13 năm 2023 tương đương 124.557.000 đồng và khoản tiền 311.392.500 đồng chuyển dư)” - do bị đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử giữ nguyên phần còn lại của Bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh) không bị kháng cáo.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên xác định lại án phí, căn cứ 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Công ty TNHH P phải chịu án phí lao

động sơ thẩm là 26.500.000 đồng theo đúng thỏa thuận của các bên đương sự. Và giữ nguyên án phí sơ thẩm đối với phần nội dung bản án không bị kháng cáo, Công ty TNHH P phải chịu là 12.718.990 đồng. Tổng cộng là 39.218.990 (Ba mươi chín triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm chín mươi) đồng.

[4] Về án phí lao động phúc thẩm: căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Tiến D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D;

- Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh), công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 34, Điều 41, khoản 1 Điều 45 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Công ty TNHH P đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 1.125.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng) để hai bên chấm dứt tranh chấp liên quan đến Hợp đồng lao động số 20171294 ngày 01/8/2017 đã ký kết giữa hai bên. Hợp đồng lao động số 20171294 ngày 01/8/2017 chấm dứt kể từ ngày 01/12/2023, hai bên không còn tranh chấp gì nhau.

Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật, bằng phương thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cá nhân của ông D, số tài khoản 0181003403160 tại Ngân hàng TMCP N (tên chủ tài khoản là NGUYEN BRUCE TIEN D). Thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 05/9/2025.

Trong trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện thanh toán số tiền trên cho ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Tiến D có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Công ty TNHH P thi hành án theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phần còn lại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh):

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chi trả tiền thuê nhà 15.000.000 đồng/tháng x 16 tháng = 240.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Tiến D trả lại khoản tiền 435.949.500 đồng (Bao gồm tiền thưởng tháng 13 năm 2023 tương đương 124.557.000 đồng và khoản tiền 311.392.500 đồng chuyển dư).

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu là 39.218.990 (Ba mươi chín triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm chín mươi) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty đã tạm nộp là 10.718.990 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0037247 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh), Công ty TNHH P còn phải chịu 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí.

4. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm tại TP.HCM (Tòa Phúc thẩm 3);
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài